



TIẾP CẬN KINH TẾ CẢNH QUAN DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG ĐỘNG LỰC MỚI CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ DU LỊCH SA PA

TS.KTS. PHẠM THỊ NHÂM¹

Những năm gần đây, Sa Pa nổi lên là một đô thị du lịch phát triển nhanh nhất tại miền núi phía Bắc Việt Nam, với thế mạnh đặc biệt về cảnh quan tự nhiên. Tuy nhiên, quá trình phát triển nhanh chóng này cũng đồng thời làm gia tăng những mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và suy thoái cảnh quan môi trường. Trong bối cảnh đó, cần nhìn nhận cảnh quan không đơn thuần là tài nguyên để khai thác, mà là tài sản xã hội, được kết tinh các giá trị sinh thái, văn hóa, lịch sử và bản sắc. Bài viết “Tiếp cận kinh tế cảnh quan dựa vào cộng đồng, động lực mới cho phát triển bền vững đô thị du lịch Sa Pa” sẽ làm rõ vấn đề này.

Community-Based Landscape Economics Approach: A New Driving Force for Sustainable Development of Sa Pa Tourist City

Abstract: In recent years, Sa Pa has emerged as one of the fastest-growing tourist cities in the northern mountainous region of Vietnam, with a particular strength in its natural landscape. However, this rapid development has also simultaneously increased the conflict between economic growth and environmental landscape degradation. In this context, it is necessary to view the landscape not simply as a resource to be exploited, but as a social asset, embodying ecological, cultural, historical, and identity values. The article “Community-Based Landscape Economics Approach: A New Driving Force for Sustainable Development of Sa Pa Tourist City” will clarify this issue.

The objectives of the article “Community-Based Landscape Economics Approach: A New Driving Force for Sustainable Development of Sa Pa Tourist Cities” are:

- To emphasize the role of the community in managing, protecting, and developing landscapes in mountainous tourist cities;
- To analyze several landscape economics models from the Sa Pa experience;
- To propose a framework for quantitatively applying community-based landscape economics.

Methodology: This paper is based on the synthesis and analysis of secondary documents, including: Sa Pa tourist city planning projects from various periods; official statistical data from government and local information portals; and scientific works, theses, and specialized articles on spatial development, tourism, and landscapes. Although no field survey has been conducted, the article proposes a general analytical framework aimed at expanding theoretical and practical understanding of sustainable tourism city development linked to the community, serving as a basis for future in-depth quantitative research.

Keywords: Landscape economics; application framework; Sa Pa tourism urban planning; natural landscape.

I. Đặt vấn đề

Mục tiêu bài viết “Tiếp cận kinh tế cảnh quan dựa vào cộng đồng, động lực mới cho phát triển bền vững đô thị du lịch Sa Pa”, nhằm:

- Nhấn mạnh vai trò của cộng đồng trong việc quản lý, bảo vệ và phát triển cảnh quan tại các đô thị du lịch miền núi;
- Phân tích một số mô hình kinh tế cảnh quan từ thực tiễn Sa Pa;
- Đề xuất khung tiếp cận ứng dụng định lượng hóa kinh tế cảnh quan cộng đồng

Phương pháp: nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp, bao gồm: các đồ án quy hoạch đô thị du lịch Sa Pa qua các thời kỳ; dữ liệu thống kê chính thức từ cổng thông tin chính phủ và địa phương; Các công trình khoa học, luận văn, bài viết chuyên đề về phát triển không gian, du lịch và cảnh quan. Dù chưa tiến hành điều tra thực địa, bài viết đề xuất khung phân tích mang tính khái quát, hướng tới mở rộng nhận thức lý luận và thực tiễn về phát triển đô thị du lịch bền vững gắn với cộng đồng, làm cơ sở cho các nghiên cứu định lượng chuyên sâu trong tương lai.

II. Cơ sở lý luận và thực tiễn

2.1. Cảnh quan như tài sản cộng đồng

Trong địa lý nhân văn và quy hoạch đương đại, cảnh quan là yếu tố tự nhiên, thẩm mỹ, và là kết quả của quá trình tương tác lâu dài giữa con người với môi trường sống, mang trong nó các lớp giá trị sinh thái, văn hóa và xã hội. Theo Carl Sauer (1925), cảnh quan văn hóa là sự kết hợp giữa địa hình tự nhiên và văn hóa con người, phản ánh mối quan hệ bền vững giữa cộng đồng và không gian cư trú. Nhiều học giả như Kenneth Olwig, J.B. Jackson và UNESCO (2021) nhấn mạnh rằng cảnh quan là một thực thể xã hội, cần được quản lý dựa trên sự tham gia và quyền lợi của cộng đồng, đó là những chủ thể trực tiếp kiến tạo và gìn giữ.

Cần phân biệt rõ giữa:

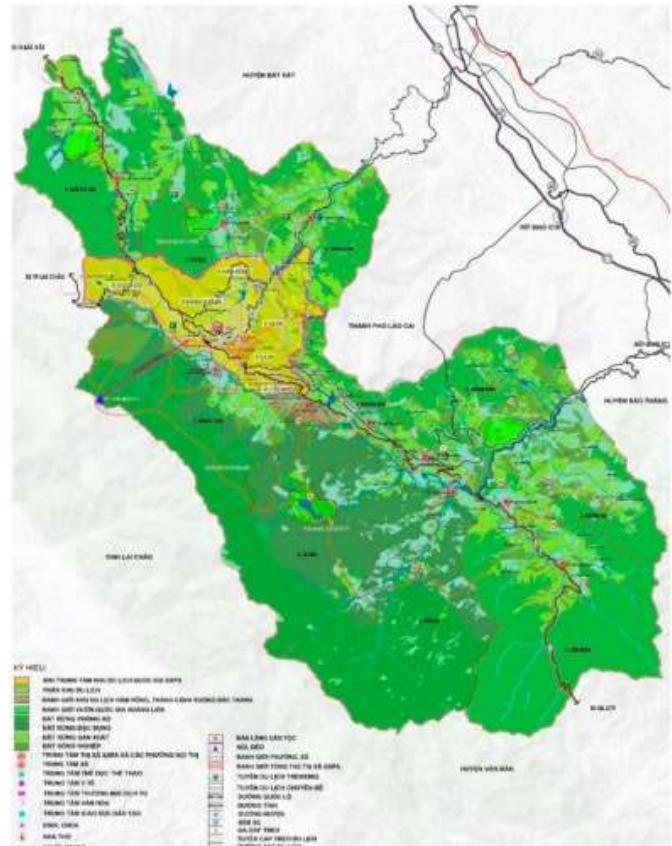
- Tài sản cộng đồng: những giá trị được chia sẻ và duy trì bởi cộng đồng, không thể tư nhân hóa.
- Cảnh quan cộng đồng: hình thức không gian cụ thể của tài sản cộng đồng, gắn với tập quán, tri thức, cấu trúc xã hội và sinh kế bản địa.

Tại Sa Pa, cảnh quan không chỉ là rừng núi, dòng suối hay ruộng bậc thang, mà là một hệ thống sống gồm mô hình canh tác, kiến trúc truyền thống, lễ hội, nghề thủ công, tổ chức làng bản... Trong đó, mỗi hộ dân là một tế bào của tổng thể cảnh quan sống này.

Vì vậy, cảnh quan mang bản chất cộng đồng, mọi sự can thiệp đều ảnh hưởng tới lợi ích chung. Quản lý cảnh quan cần theo hướng, trong đó cộng đồng giữ vai trò trung tâm, cùng nhà nước và doanh nghiệp định hướng phát triển và bảo tồn.

2.2. Kinh tế cảnh quan: tiếp cận từ cộng đồng

a) Khái niệm chung về kinh tế cảnh quan



Hình 1: Bản đồ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Sa Pa – thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai đến năm 2040 được TTCP phê duyệt tại Quyết định 266/QĐTTg ngày 20/3/2023. Nguồn VIUP



Ruộng bậc thang Sa Pa.

Nguồn: <<https://thanhnien.vn/ruong-bac-thang-sa-pa-chin-som-lam-say-long-lu-khach-18523080414224349.htm>>



Nhà trình tường người H'Mông

ở Sa Pa. Nguồn: <<https://cuongdulich.com/dia-diem/2884-nha-trinh-tuong.html>>

Khái niệm kinh tế cảnh quan hình thành trong bối cảnh các ngành quy hoạch, phát triển bền vững và bảo tồn văn hóa – sinh thái ngày càng giao thoa. Theo UN-Habitat (2015), IUCN (2020) và UNESCO (2021), kinh tế cảnh quan được hiểu là hệ thống các hoạt động kinh tế dựa trên việc khai thác, bảo tồn và tái tạo cảnh quan như một nguồn lực phát triển tổng hợp, trong đó cảnh quan vừa mang giá trị sinh thái – thẩm mỹ, vừa là tài sản văn hóa và kinh tế.

Khác với kinh tế tài nguyên thiên nhiên truyền thống, kinh tế cảnh quan hướng đến giá trị cộng sinh giữa con người và không gian, nơi các hoạt động kinh tế (du lịch, nông nghiệp, thủ công, dịch vụ...) vừa sử dụng vừa duy trì giá trị của cảnh quan. Cảnh quan trở thành “vốn tự nhiên – văn hóa – xã hội” của địa

phương, có thể lượng hóa thông qua giá trị sử dụng, giá trị văn hóa và giá trị tồn tại.

b) Tiếp cận kinh tế cảnh quan từ cộng đồng

Cách tiếp cận này xem cộng đồng địa phương là trung tâm của quá trình hình thành và vận hành kinh tế cảnh quan. Cộng đồng không chỉ là người hưởng lợi, mà là chủ thể quản lý, bảo tồn và chuyên hóa giá trị cảnh quan thành sinh kế và sản phẩm kinh tế.

Mối quan hệ giữa cảnh quan, cộng đồng, kinh tế được nhìn nhận là mối quan hệ tương hỗ:

- Cảnh quan cung cấp nền tảng tài nguyên, bản sắc và không gian sống;
- Cộng đồng tham gia quản lý, khai thác và gìn giữ giá trị cảnh quan;
- Các hoạt động kinh tế hình thành, quay lại nuôi dưỡng hệ cảnh quan và sinh kế cộng đồng.

Tại Sa Pa, nhiều hình thức thực tiễn minh chứng cho hướng tiếp cận này:

- Hộ gia đình H'Mông, Dao phát triển homestay trong kiến trúc truyền thống, kết hợp nông nghiệp sinh thái, ẩm thực, văn nghệ bản địa;
- Hợp tác xã cộng đồng tại Tả Van, Tả Phìn tổ chức du lịch trải nghiệm ruộng bậc thang, rừng Hoàng Liên, làng nghề thủ công;
- Nhóm phụ nữ và thanh niên địa phương tổ chức lớp học nghề, trình diễn văn hóa, hội chợ bản địa... – vừa bảo tồn không gian tinh thần, vừa tạo thu nhập ổn định.

Kinh tế cảnh quan dựa vào cộng đồng có ba đặc điểm nổi bật:

1. Tính tích hợp: Kết nối linh hoạt giữa sinh kế, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường – không tách rời giữa không gian sống và không gian kinh tế.
2. Tính tự chủ – quy mô nhỏ: Dựa trên năng lực thực tế của hộ, nhóm cộng đồng; phù hợp điều kiện miền núi và đặc thù dân tộc thiểu số.
3. Tính bản sắc – không thể sao chép: Mỗi sản phẩm, dịch vụ gắn chặt với cảnh quan và văn hóa bản địa – không thể thay thế bởi không gian khác.

c) Tiếp cận định lượng đối với kinh tế cảnh



CHÚNG TÔI LÀ AI

Chúng tôi - những Taphiners - những người dân bản địa với mong muốn được gìn giữ những vẻ đẹp truyền thống của quê hương và quảng bá đến với rộng rãi những người đam mê khám phá, đặc biệt là các bạn trẻ yêu du lịch.
Hợp tác xã du lịch cộng đồng Tả Phìn được xây dựng từ tháng 9 năm 2019 với sự tham gia của hơn 50 hộ gia đình.

Hình 2: Mô hình hợp tác xã cộng đồng tại Tả Phìn, Sa Pa

Nguồn: <https://htxtaphin.wixsite.com/website-vn>

quan dựa vào cộng đồng

Trong tiến trình phát triển khoa học về cảnh quan, xu hướng định lượng hoá giá trị cảnh quan xuất hiện từ nửa sau thế kỷ XX, khi các ngành địa lý, sinh thái học và kinh tế môi trường bắt đầu tìm cách đo lường mối quan hệ giữa không gian với con người và lợi ích kinh tế. Cách tiếp cận này dựa trên một số lý thuyết chủ đạo như: (i) Lý thuyết dịch vụ hệ sinh thái (Ecosystem Services Theory) (ii) Lý thuyết vốn tự nhiên và vốn xã hội (Natural & Social Capital Theory); (iii) Lý thuyết phát triển bền vững ba trụ cột (Triple Bottom Line), có thể rút ra rằng:

1. Cảnh quan là một nguồn lực có thể đo lường và định giá, thông qua các chỉ số sinh thái, không gian và văn hoá;
2. Cộng đồng là nhân tố quyết định khả năng chuyển hoá giá trị cảnh quan thành lợi ích kinh tế, có thể lượng hoá qua mức độ tham gia, tổ chức, liên kết và chia sẻ lợi ích;
3. Giá trị kinh tế cảnh quan là kết quả tổng hợp của hai nhóm yếu tố trên – phản ánh mức độ thành công của mô hình phát triển dựa vào cộng đồng.

Định lượng kinh tế cảnh quan dựa vào cộng đồng được xây dựng trên công thức tổng quát, chưa xác định dạng toán học cụ thể, mà thể hiện mối quan hệ phụ thuộc tổng quát giữa các yếu tố:

$$Y=f(X1,X2)$$

Trong đó:

- Y – Giá trị kinh tế cảnh quan: thể hiện

qua thu nhập bình quân hộ từ các hoạt động gắn với cảnh quan, tỷ trọng thu nhập từ du lịch hoặc nông nghiệp đặc trưng, và số lượng sản phẩm – dịch vụ bản địa được hình thành.

- X1 – Chất lượng và đa dạng cảnh quan (vốn tự nhiên): bao gồm tỷ lệ diện tích rừng, ruộng bậc thang, chỉ số NDVI, chỉ số đa dạng sử dụng đất (Shannon Index) và mật độ không gian văn hóa.
- X2 – Mức độ tham gia cộng đồng (vốn xã hội): phản ánh qua tỷ lệ hộ tham gia hợp tác xã hoặc du lịch sinh thái, số lượng sự kiện cộng đồng được tổ chức, và điểm trung bình mức độ tham gia của người dân.
- f: là hàm biểu diễn mối quan hệ phụ thuộc giữa các biến, có thể mang dạng tuyến tính hoặc phi tuyến, tùy theo kết quả nghiên cứu thực nghiệm.

Công thức này là khung gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo, có thể kiểm chứng bằng phân tích tương quan hoặc hồi quy tuyến tính, sử dụng dữ liệu điều tra hộ dân, số liệu kinh tế – xã hội và chỉ số cảnh quan không gian (GIS). Việc lượng hóa không chỉ có ý nghĩa khoa học trong nghiên cứu mà còn hỗ trợ chính quyền địa phương theo dõi, đánh giá hiệu quả chính sách phát triển kinh tế cảnh quan gắn với cộng đồng – hướng tới quản lý phát triển dựa trên dữ liệu và bằng chứng thực nghiệm.

III. Hiện trạng cảnh quan và tư duy phát

triển ở Sa Pa

3.1. Thực trạng biến đổi không gian cảnh quan và cư trú truyền thống

Đô thị hóa và phát triển du lịch nhanh chóng tại Sa Pa trong hai thập kỷ qua đã làm thay đổi đáng kể cấu trúc không gian cư trú và cảnh quan truyền thống của địa phương. Nếu như trước năm 2005, Sa Pa vẫn chủ yếu mang đặc trưng của một vùng cư dân miền núi với mô hình bản làng tự nhiên, mật độ dân cư thấp, nhà ở truyền thống, kiến trúc bản địa và cảnh quan nông nghiệp hòa quyện, thì đến nay nhiều khu vực đã chuyển đổi sang mô hình đô thị du lịch với đặc trưng không gian mới tập trung hóa, hiện đại hóa, và thương mại hóa mạnh mẽ.

Thứ nhất, sự thay đổi rõ rệt nhất nằm ở cấu trúc nhà ở và không gian sinh hoạt: Tại các bản có hoạt động du lịch sôi động như Cát Cát, Tả Van, Tả Phìn, Lao Chải và Sín Chải, số lượng nhà ở truyền thống (nhà mái gỗ, nhà trình tường) đã giảm đáng kể. Theo ước tính, tỷ lệ nhà ở truyền thống (nhà ở và cảnh quan quanh nhà) trong tổng số công trình dân cư đã giảm từ khoảng 75% vào khoảng trước năm 2005 xuống chỉ còn khoảng 35%. Hàng trăm căn nhà đã được cải tạo hoặc xây mới theo kiểu homestay phục vụ du lịch, sử dụng vật liệu mới như bê tông, kính, thép làm thay đổi rõ nét bộ mặt cảnh quan làng bản.

Thứ hai, không gian mặt đất bị bê tông hóa nhanh chóng: Diện tích sử dụng cho đường bê tông, sân tập trung, bãi đỗ xe, và các hạ tầng kỹ thuật khác gia tăng mạnh. Theo báo cáo của chính quyền địa phương, tổng diện tích bê tông hóa trong khu vực các bản du lịch tăng gấp 3-4 lần từ năm 2010 đến năm 2023. Nhiều đoạn đường mòn truyền thống bị thay thế bằng đường nhựa hoặc cầu bê tông, làm gián đoạn cấu trúc cảnh quan truyền thống.

Thứ ba, cảnh quan tự nhiên cũng chịu áp lực chuyển đổi. Các thửa ruộng bậc thang vốn là biểu tượng di sản của Sa Pa đang bị suy giảm cả về diện tích và tính liên tục. Nguyên nhân chính là chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang xây dựng khu lưu trú, nghỉ dưỡng, hoặc cơ sở hạ tầng du lịch. Ngoài ra, tại trung tâm đô thị Sa Pa và một số vùng lân cận, sự xuất hiện



Vẻ đẹp tự nhiên của Sapa khi du lịch chưa phát triển mạnh mẽ

Nguồn: <https://www.hoteljob.vn/tin-tuc/sapa-va-noi-that-vong-trong-mat-du-khach-quoc-te>

những công trình cao tầng, đặc biệt là các khách sạn, tổ hợp nghỉ dưỡng với mật độ xây dựng dày đặc đã gây ra hiện tượng phá vỡ tầm nhìn cảnh quan ảnh hưởng đến trải nghiệm thị giác đặc trưng của du khách và làm mất đi tính nguyên bản của không gian cảnh quan.

Những biến đổi này cho thấy Sa Pa đang đối mặt với nguy cơ đánh mất bản sắc không gian nếu thiếu kế hoạch quản lý đô thị và quản lý cảnh quan thích ứng. Việc tiếp tục khai thác du lịch mà không kiểm soát chặt chẽ cấu trúc không gian và quyền tiếp cận của cộng đồng dễ dẫn đến sự suy thoái không thể phục hồi của cả cảnh quan vật chất lẫn cảnh quan văn hóa – xã hội.

3.2. Thực trạng cộng đồng và chuỗi giá trị cảnh quan

Trong các đô thị du lịch miền núi như Sa Pa, cộng đồng cư dân bản địa – phần lớn là người dân tộc thiểu số – chính là những chủ thể kiến tạo và duy trì hệ sinh thái cảnh quan, từ kiến trúc, canh tác đến phong tục tập quán và không gian văn hóa. Tuy nhiên,



Sapa của hôm nay đông đúc và ồn ào

trong quá trình thương mại hóa du lịch và chuyển đổi không gian sống, vai trò của cộng đồng trong chuỗi giá trị khai thác cảnh quan thường chỉ dừng lại ở mức độ cung ứng dịch vụ cơ bản, với quyền kiểm soát không gian và tỷ lệ hưởng lợi kinh tế còn thấp.

Thứ nhất, với trình độ kinh tế – xã hội còn hạn chế, người dân bản địa tại Sa Pa chủ yếu tham gia vào các khâu dịch vụ cấp thấp như: lưu trú nhỏ lẻ, nấu ăn, hướng dẫn viên bản địa, bán hàng lưu niệm... Trong khi đó, các khâu có biên lợi nhuận cao như đầu tư cơ sở hạ tầng, điều hành tour, tổ chức hệ thống kinh doanh thường nằm trong tay các doanh nghiệp ngoài địa phương – điều này là tất yếu trong điều kiện thực tế về vốn, kỹ năng và khả năng tiếp cận thị trường của cư dân địa phương còn nhiều hạn chế.

Thứ hai, chuỗi giá trị cảnh quan tại Sa Pa hiện nay có sự phân tầng rõ rệt. Theo phân tích tại một số bản du lịch chính, có thể tạm chia làm ba nhóm chủ thể với mức độ lợi ích giữ lại như sau:

Khâu hoạt động	Chủ thể chính	Tỷ lệ lợi nhuận giữ lại (ước tính)
Tạo dựng, bảo tồn cảnh quan	Cộng đồng dân cư địa phương	khoảng 10%
Sản xuất dịch vụ (lưu trú, hướng dẫn...)	Hộ gia đình/HTX/Nhóm cộng đồng nhỏ lẻ	khoảng 25%
Đầu tư – phân phối – điều hành tour	Doanh nghiệp ngoài địa phương	khoảng 60–65%

Khoảng cách lợi ích này phản ánh sự phân hóa cấu trúc quyền lực và lợi ích trong ngành du lịch. Mặc dù cộng đồng là chủ thể tạo ra cảnh quan và sống trong cảnh quan, nhưng việc thiếu vốn, kỹ

năng, kết nối thị trường và hành lang pháp lý khiến họ khó tiếp cận được các khâu sinh lời cao.

Thứ ba, trong những năm gần đây, một số

mô hình tổ chức cộng đồng bước đầu cho thấy hiệu quả tích cực hơn. Ví dụ: HTX du lịch Tà Van, nhóm phụ nữ Tà Phìn, nhóm thanh niên hướng dẫn viên bản địa tại Lao Chải – Sín Chải... đã từng bước tham gia sâu hơn vào việc định hình sản phẩm và chia sẻ lợi ích công bằng hơn. Tuy nhiên, các mô hình này vẫn còn manh mún, thiếu ổn định và dễ bị tổn thương nếu không có cơ chế hỗ trợ phù hợp.

Vì vậy, thay vì đặt mục tiêu bình đẳng tuyệt đối về lợi ích, cần định hướng tái cấu trúc chuỗi giá trị cảnh quan theo hướng công bằng phù hợp: tăng vai trò của cộng đồng trong thiết kế sản phẩm, kiểm soát không gian bản địa, từng bước nâng cao năng lực kinh doanh và kết nối thị trường phù hợp với thực tiễn KT-XH của Sa Pa hiện nay.

3.3. Các mâu thuẫn và thách thức chính

Sa Pa trong vai trò một đô thị du lịch cấp quốc gia đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực về kinh tế, hạ tầng và thu hút đầu tư. Tuy nhiên, quá trình này cũng làm nảy sinh những mâu thuẫn tiềm ẩn và thách thức mới, chủ yếu đến từ sự mất cân đối giữa tốc độ phát triển với năng lực nội sinh của cộng đồng và khả năng kiểm soát chất lượng phát triển không gian.

Thực tế cho thấy, đa số cư dân bản địa tại Sa Pa là người dân tộc thiểu số, có trình độ giáo dục, kỹ năng và hiểu biết pháp lý còn hạn chế. Việc người dân không hiểu rõ về khái niệm quy hoạch, không có tiếng nói trong các quyết định sử dụng đất... dẫn đến tâm lý thụ động, dễ bị chi phối bởi các nhóm đầu tư bên ngoài, và ngày càng mất kiểm soát không gian sống vốn gắn bó nhiều đời. Việc Sa Pa thu hút nhiều nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch là điều tích cực và tất yếu. Tuy nhiên, vấn đề không nằm ở số lượng nhà đầu tư, mà là chất lượng, định hướng và mức độ phù hợp của các dự án đối với cấu trúc bản địa. Thực tế hiện nay cho thấy không chỉ ở trung tâm đô thị mà có xu hướng lan rộng đến các bản làng như Tà Van, Tà Phìn, Lao Chải... nơi vốn được xem là không gian sinh sống truyền thống. Một phần nguyên nhân đến từ việc nhiều nhà đầu tư thiếu hiểu biết hoặc không tôn trọng giá trị cảnh quan và văn hóa địa phương,

trong khi chính quyền địa phương chưa có đủ công cụ và nguồn lực để kiểm soát chất lượng phát triển.

Một nghịch lý đáng chú ý là: chính một bộ phận cư dân địa phương đang chủ động từ bỏ các yếu tố văn hóa truyền thống để thích nghi nhanh hơn với thị hiếu thị trường và du khách. Nhiều tập tục, trang phục, lễ hội hay mô hình sinh hoạt cộng đồng bị giản lược, thương mại hóa hoặc thay thế bằng các yếu tố “lai”, làm mất đi chiều sâu văn hóa. Còn rất nhiều thách thức cần phải nghiên cứu khảo sát để nhận diện cho đúng. Nhưng qua quan sát nêu trên, thách thức không chỉ là vấn đề kỹ thuật quản trị hay phân phối lợi ích, mà phản ánh sự mất cân đối giữa tốc độ phát triển và nền tảng năng lực nội sinh của cộng đồng. Nếu không được định hướng rõ ràng, Sa Pa có nguy cơ đánh mất chính lợi thế cạnh tranh bền vững của mình – đó là cảnh quan bản địa gắn với không gian văn hóa sống của các cộng đồng dân tộc thiểu số.

IV. Ứng dụng tiếp cận kinh tế cảnh quan dựa trên cộng đồng tại Sa Pa

4.1. Điều kiện để hình thành và vận hành

Kinh tế cảnh quan dựa vào cộng đồng tại Sa Pa là mô hình phát triển kinh tế – xã hội dựa trên việc cộng đồng cư dân bản địa (chủ yếu là người dân tộc thiểu số) chủ động tham gia tổ chức khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan sống như ruộng bậc thang, không gian bản làng, làng nghề, rừng bản và văn hóa truyền thống, nhằm tạo sinh kế ổn định, bảo tồn bản sắc và đóng góp vào phát triển đô thị du lịch bền vững.

Khác với mô hình du lịch cộng đồng đơn lẻ, mô hình này tiếp cận cảnh quan như một hệ thống sống động, nơi cộng đồng không chỉ cung cấp dịch vụ, mà còn đồng quản lý không gian, điều phối sản phẩm, giám sát phát triển và hưởng lợi công bằng.

a) Yêu cầu chung

Mô hình này không hình thành một cách tự phát, mà cần hội đủ một số điều kiện tiên quyết:

1. Phân định không gian và quyền sử dụng cảnh quan rõ ràng: Cộng đồng cần

được xác lập quyền tham gia trong quản lý các vùng cảnh quan truyền thống gắn với sinh kế và văn hóa bản địa (như bản làng, ruộng bậc thang, đường mòn, rừng gắn với lễ hội...).

2. Tăng cường năng lực cộng đồng: Bao gồm đào tạo kỹ năng tổ chức dịch vụ, sử dụng công cụ số, kết nối thị trường, quản lý nhóm và xây dựng sản phẩm du lịch gắn với bản sắc.

3. Có cơ chế liên kết đa tác nhân: Nhà nước – Doanh nghiệp – Cộng đồng – Nhà khoa học phải cùng tham gia trong một cơ chế phối hợp, trong đó cộng đồng giữ vai trò trung tâm ở cấp địa bàn, không bị xem là “đối tượng hỗ trợ” mà là “đối tác phát triển”.

4. Có hệ thống chính sách và đầu tư hỗ trợ phù hợp: Cần có khung pháp lý cho quyền cộng đồng trong quản lý tài sản cảnh quan, cơ chế ưu đãi tiếp cận vốn – hạ tầng – công nghệ, và chính sách phân phối lợi ích công bằng.

b) Gắn với định hướng chiến lược của Nhà nước

Mô hình kinh tế cảnh quan dựa vào cộng đồng không tách rời chiến lược quốc gia, mà chính là một hình thức cụ thể hóa 4 Nghị quyết lớn của Nhà nước theo hướng bản địa hóa và thực tiễn hóa tại Sa Pa:

1. Khoa học – Công nghệ và Đổi mới sáng tạo:

Cung cấp nền tảng khoa học để đánh giá năng lực tài của cảnh quan, thiết kế sản phẩm du lịch gắn với bản sắc; ứng dụng công nghệ GIS, VR/AR, số hóa tri thức bản địa trong truyền thông.

2. Chuyển đổi số toàn diện: Giúp cộng đồng tiếp cận thị trường qua các nền tảng số (sàn du lịch, bản đồ trải nghiệm, đặt dịch vụ online), đồng thời nâng cao minh bạch và hiệu quả vận hành mô hình nhỏ.

3. Phát triển kinh tế tư nhân: Thúc đẩy các doanh nghiệp bản địa (HTX, nhóm hộ, start-up địa phương) tham gia đầu tư vào sản phẩm cảnh quan – văn hóa – sinh thái, nâng dần năng lực điều phối của cộng đồng trong chuỗi giá trị du lịch.

4. Hội nhập quốc tế bền vững: Tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng mang dấu ấn văn hóa bản địa (cảnh quan canh tác, nghề truyền thống, sinh hoạt cộng đồng), góp phần định vị thương hiệu Sa Pa trong bản đồ du lịch sinh thái – văn hóa khu vực.

Tiếp cận kinh tế cảnh quan dựa vào cộng đồng tại Sa Pa là bước phát triển nâng cao của du lịch cộng đồng truyền thống, được định hướng bởi thực tiễn bản địa nhưng được nâng tầm bằng tư duy hệ thống và chính sách hỗ trợ đồng bộ. Đây là một con đường trung gian khả thi, kết nối từ dưới lên (nội lực cộng đồng) và từ trên xuống (thể chế, đầu tư, tri thức), góp phần tạo dựng đô thị du lịch hài hòa, công bằng và bền vững trên nền tảng cảnh quan sống động và bản sắc văn hóa lâu đời.

4.2. Ứng dụng khung định lượng kinh tế cảnh quan cộng đồng ở các cấp độ quy hoạch

Khi vận dụng Công thức khái quát: $Y=f(X1,X2)$ vào thực tiễn Sa Pa có thể chuyển hóa linh hoạt theo ba cấp độ quy hoạch từ không gian toàn thị xã đến bản làng nông thôn nhằm đo lường và quản lý giá trị cảnh quan gắn với phát triển cộng đồng.

Bảng 1. Ứng dụng mô hình định lượng kinh tế cảnh quan cộng đồng tại ba cấp độ quy hoạch ở Sa Pa

Cấp độ quy hoạch	Mục tiêu ứng dụng mô hình	Biến X1 – Chất lượng & đa dạng cảnh quan (vốn tự nhiên)	Biến X2 – Mức độ tham gia cộng đồng (vốn xã hội)	Biến Y – Giá trị kinh tế cảnh quan (kết quả phát triển)	Hướng sử dụng trong quy hoạch
1. Quy hoạch chung đô thị du lịch Sa Pa	Xác định tương quan tổng thể giữa tài nguyên cảnh quan và phân bố dân cư – du lịch toàn thị xã	- Tỷ lệ che phủ rừng, diện tích đất sinh thái - Mức độ đa dạng cảnh quan (ruộng bậc thang, rừng, mặt nước) - Chỉ số NDVI, mật độ xây dựng đô thị	- Tỷ lệ lao động địa phương tham gia du lịch - Số HTX, tổ chức cộng đồng hoạt động - Mức độ đồng thuận, tự quản trong các vùng du lịch	- Doanh thu du lịch toàn thị xã - Thu nhập bình quân đầu người - Tỷ lệ tái đầu tư cho bảo tồn cảnh quan	- Xây dựng bản đồ giá trị kinh tế cảnh quan (GIS) để phân vùng bảo tồn – phát triển - Định hướng đầu tư hạ tầng, bảo tồn theo tiềm năng từng khu vực
2. Quy hoạch khu trung tâm đô thị Sa Pa	Cân bằng giữa phát triển hạ tầng – dịch vụ với bảo tồn bản sắc cảnh quan đô thị	- Mật độ xây dựng, tỷ lệ không gian xanh – mặt nước - Mức độ bảo tồn kiến trúc truyền thống - Tâm nhìn hướng cảnh Hoàng Liên – Fansipan	- Tỷ lệ doanh nghiệp/hộ dân bản địa tham gia dịch vụ du lịch - Mức độ hài lòng cư dân về quy hoạch - Tỷ lệ hộ giữ kiến trúc truyền thống	- Doanh thu du lịch theo khu vực - Giá trị đất đai và sức hấp dẫn không gian đô thị - Hiệu quả khai thác dịch vụ	- Xây dựng bản đồ tương quan X_1-X_2 để xác định khu vực có tiềm năng cao hoặc nguy cơ suy giảm - Đề xuất cơ chế quản lý linh hoạt, ưu tiên đầu tư cộng đồng bản địa
3. Quy hoạch xã nông thôn – bản du lịch cộng đồng	Đo lường hiệu quả kinh tế – xã hội của mô hình cộng đồng gắn với cảnh quan bản địa	- Diện tích ruộng bậc thang, rừng cộng đồng - Số lượng nhà truyền thống bảo tồn - Đa dạng sinh học, mật độ điểm du lịch tự nhiên	- Số hộ tham gia HTX hoặc nhóm du lịch cộng đồng - Mức độ chia sẻ lợi ích trong cộng đồng - Tần suất tổ chức hoạt động lễ hội – văn hóa	- Tổng thu nhập từ du lịch cộng đồng - Giá trị sản phẩm thủ công, nông nghiệp đặc trưng - Mức tái đầu tư cho bảo tồn cảnh quan	- Xây dựng “Hồ sơ kinh tế cảnh quan cộng đồng” cho từng bản - Đánh giá năng lực và ưu tiên hỗ trợ phát triển theo vùng/bản

(*) Ghi chú

Ở cấp quy hoạch chung, mô hình

$Y=f(X1,X2)$ giúp định lượng hóa tiềm năng không gian cảnh quan trên phạm vi toàn đô thị – cơ sở cho phân vùng phát triển.

Ở cấp QHPK trung tâm đô thị, mô hình giúp đánh giá cân bằng giữa khai thác kinh tế và bảo tồn bản sắc, hướng tới quy hoạch “đô thị cảnh quan văn hóa”.

Ở cấp nông thôn bản địa, mô hình trở thành công cụ giám sát và ra quyết định chính sách hỗ trợ cộng đồng, đo được tác động kinh tế của từng mô hình du lịch bản địa.

4.2. Ứng dụng khung định lượng kinh tế cảnh quan cộng đồng ở làng nông thôn

4.2.1. Mô hình thực tiễn tiêu biểu

Dù chưa được định danh chính thức là “kinh tế cảnh quan cộng đồng”, song trên thực tế, tại Sa Pa đã xuất hiện nhiều mô hình tự tổ chức của cư dân bản địa có những đặc điểm phù hợp với nội dung đã trình bày ở mục 4.1. Các mô hình này không chỉ tạo sinh kế tại chỗ mà còn góp phần duy trì cảnh quan sống – một phần cốt lõi trong cấu trúc bản sắc đô thị du lịch miền núi.

1. Hợp tác xã du lịch cộng đồng Tả Van

HTX Tả Van được thành lập năm 2017 với sự tham gia của hơn 40 hộ dân chủ yếu là người Giáy và H'Mông. Mô hình này triển khai nhiều hoạt động gắn với khai thác cảnh quan bản địa như: Lưu trú tại nhà truyền thống,

- Dẫn tour trekking theo tuyến ruộng bậc thang – suối Mường Hoa – rừng trúc,
- Trải nghiệm làm ruộng, nấu ăn, dệt vải, nhuộm chàm, v.v.

Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ công sức, có quỹ bảo trì cảnh quan, duy trì tuyến đường bản, và hỗ trợ phục dựng một số lễ hội truyền thống.

2. Nhóm phụ nữ Dao đỏ Tả Phìn

Từ năm 2015, một nhóm phụ nữ Dao tại bản Tả Phìn đã hình thành mô hình kinh doanh thủ công mỹ nghệ và tổ chức tour du lịch văn hóa. Nhóm này vừa sản xuất khăn thổ cẩm, vừa giới thiệu liệu pháp

tầm lá thuốc truyền thống, vốn là một phần di sản phi vật thể đặc trưng của cộng đồng Dao.

Toàn bộ hoạt động diễn ra trong không gian nhà trình tường, vườn thuốc bản địa, đường làng cổ – trở thành một mô hình kinh tế cảnh quan văn hóa thuần túy, gắn chặt với tri thức bản địa.

3. Nhóm hướng dẫn viên bản địa Lao Chải – Sín Chải

Nhóm này do chính thanh niên các bản tổ chức, điều hành, hướng tới dẫn tour trải nghiệm trekking qua các tuyến cảnh quan tự nhiên và nhân văn (ruộng bậc thang, nhà trình tường, đời sống nông nghiệp). Họ đồng thời hướng dẫn du khách ứng xử thân thiện với cảnh quan, không xả rác, không xâm phạm nhà cửa người dân.

Mặc dù mô hình còn nhỏ lẻ và chưa có tư cách pháp nhân đầy đủ, nhóm này cho thấy khả năng chủ động quản lý không gian và thông tin du lịch từ phía cộng đồng.

Các mô hình trên đều có điểm chung:

- Dựa vào chính không gian sống truyền thống làm nền tảng;
- Cộng đồng tự tổ chức, điều phối hoạt động và chia sẻ lợi ích;
- Cảnh quan được xem là nguồn lực sống, không chỉ là phòng nền cho hoạt động thương mại.

Tuy nhiên, các mô hình vẫn đối mặt với nhiều thách thức như: thiếu vốn đầu tư, năng lực tổ chức còn hạn chế, khó tiếp cận chính sách ưu đãi hoặc quy hoạch chính thức. Để phát huy tiềm năng, cần có khung pháp lý và thể chế phù hợp nhằm công nhận, hỗ trợ và nhân rộng mô hình “kinh tế cảnh quan cộng đồng” như một trụ cột phát triển đô thị du lịch bền vững tại Sa Pa.

4.2.2. Gợi mở khung định lượng kinh tế cảnh quan làng du lịch cộng đồng

Từ các mô hình thực tiễn ở Tả Van, Tả Phìn và Lao Chải – Sín Chải, có thể nhận thấy rằng cảnh quan và cộng đồng không chỉ là yếu tố nền tảng văn hóa, mà còn tạo nên giá trị kinh tế cụ thể cho địa phương. Để đánh giá và quản lý hiệu quả hơn, có

thể ứng dụng mô hình định lượng kinh tế cảnh quan cộng đồng theo công thức khái quát: $Y=f(X1,X2)$; cấp làng – xã là nơi có thể thu thập dữ liệu thực tế và phản ánh rõ mối quan hệ giữa cảnh quan – sinh kế – cộng đồng.

a) Cấu trúc khung định lượng đề xuất

Nhóm yếu tố	Biến định lượng	Đơn vị / chỉ tiêu đo lường	Mức trung bình giả định (theo mô hình Sa Pa)	Ghi chú
X1: Chất lượng cảnh quan	1. Tỷ lệ diện tích cảnh quan nông nghiệp (ruộng bậc thang, rừng, mặt nước)	% diện tích tự nhiên	65–70%	Càng cao thì giá trị cảnh quan càng lớn
	2. Tỷ lệ công trình kiến trúc truyền thống còn giữ nguyên	% số nhà ở toàn bản	55–60%	Phản ánh tính nguyên gốc và bản sắc
	3. Chi số đa dạng cảnh quan (tính theo số loại hình sử dụng đất)	Loại hình	4–5 loại	Ruộng, rừng, nương, nhà ở, sinh hoạt văn hóa
X2: Mức độ tham gia cộng đồng	4. Tỷ lệ hộ tham gia HTX/du lịch cộng đồng	% hộ dân	40–50%	Phản ánh tính bao trùm xã hội
	5. Số hoạt động văn hóa – lễ hội duy trì hàng năm	Lần/năm	8–10	Càng nhiều thì cộng đồng gắn kết hơn
	6. Mức chia sẻ lợi ích giữa hộ dân và tổ chức du lịch	% lợi nhuận giữ lại địa phương	30–35%	Thể hiện sự công bằng và tính bền vững
Y: Giá trị kinh tế cảnh quan	7. Thu nhập bình quân từ du lịch cộng đồng	Triệu đồng/hộ/năm	65–80	Tăng theo mức độ tham gia và bảo tồn cảnh quan
	8. Mức tái đầu tư cho bảo tồn cảnh quan	% tổng doanh thu	10–15%	Tái đầu tư giúp duy trì chất lượng cảnh quan
	9. Mức hài lòng của du khách	Điểm trung bình (1–5)	4,3	Đánh giá qua khảo sát dịch vụ và trải nghiệm

b) Ứng dụng minh họa tại ba mô hình Sa Pa (Giả định)

Mô hình	X1 – Chất lượng cảnh quan	X2 – Mức độ tham gia cộng đồng	Y – Giá trị kinh tế cảnh quan	Gợi ý định hướng
Tả Van (HTX cộng đồng)	Rất cao (ruộng bậc thang, suối Mường Hoa, nhà sàn cổ)	Trung bình – khá (40% hộ tham gia HTX)	Thu nhập du lịch ~80 triệu/hộ/năm, tỷ lệ tái đầu tư 12%	Nâng cấp năng lực tổ chức, mở rộng quy mô HTX
Tả Phìn (nhóm phụ nữ Dao đỏ)	Cao (vườn thuốc bản địa, nhà trình tường, làng nghề thủ công)	Cao (60% hộ phụ nữ tham gia sản xuất, dịch vụ)	Doanh thu trung bình 1,2–1,5 tỷ đồng/năm/nhóm	Hỗ trợ đăng ký chỉ dẫn địa lý, bảo tồn tri thức bản địa
Lao Chải – Sín Chải (nhóm hướng dẫn viên)	Khá (rừng tự nhiên, ruộng bậc thang, cảnh quan nhân văn tốt)	Trung bình (20–25 thanh niên tham gia thường xuyên)	Tăng thu nhập 30–40% so với canh tác nông nghiệp thuần túy	Hỗ trợ pháp lý, đào tạo kỹ năng và mở rộng mạng lưới dịch vụ

c) *Diễn giải kết quả (giả định) và ý nghĩa*

Khi đối chiếu theo công thức $Y=f(X1,X2)$

• Tả Phìn có X2 cao nhất (cộng đồng gắn kết, tự chủ) nên đạt Y cao nhất dù cảnh quan (X1) không lớn bằng Tả Van, cho thấy năng lực cộng đồng là yếu tố quyết định.

• Tả Van có cảnh quan nổi bật (X1 rất cao) nhưng mức độ tham gia (X2) còn trung bình, tiềm năng tăng giá trị Y nếu tăng cường quản trị cộng đồng.

• Lao Chải – Sín Chải có X1 và X2 đều ở mức khá, giá trị Y tăng đều nhưng cần hỗ trợ kỹ thuật để phát triển ổn định.

Kết quả cho thấy giá trị kinh tế cảnh quan không chỉ phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên, mà còn vào năng lực tổ chức và mức độ tham gia của cộng đồng.

Nói cách khác, nếu Sa Pa muốn nâng cao giá trị cảnh quan bền vững, cần đầu tư song song vào bảo tồn cảnh quan (X1) và nâng cao vốn xã hội – thể chế cộng đồng (X2).

d) *Gợi ý triển khai thực tế*

1. Thiết lập hệ thống thu thập dữ liệu định kỳ (2 năm/lần) tại các bản du lịch cộng đồng, theo bộ chỉ tiêu X1–X2–Y trên.

2. Xây dựng bản đồ “Giá trị kinh tế cảnh quan cộng đồng” – thể hiện phân bố và biến động theo thời gian.

3. Sử dụng kết quả định lượng để:

• Lồng ghép vào quy hoạch xã nông thôn mới, quy hoạch du lịch cộng đồng;

• Phân loại vùng ưu tiên đầu tư, hỗ trợ vốn và đào tạo;

• Theo dõi hiệu quả của chính sách bảo tồn cảnh quan gắn với sinh kế.

Tóm lại, áp dụng mô hình định lượng $Y=f(X1,X2)$ tại quy mô làng du lịch cộng đồng giúp chuyển từ cách quản lý “trực giác” sang quản lý dựa trên dữ liệu cụ thể.

Qua đó, Sa Pa có thể đánh giá được giá trị kinh tế của cảnh quan theo từng cộng đồng, làm căn cứ xây dựng bộ chỉ số giám sát phát triển cảnh quan – sinh kế

– văn hóa trong quy hoạch đô thị du lịch miền núi.

V. Kết luận

Tiếp cận kinh tế cảnh quan dựa vào cộng đồng xuất phát từ nhận thức rằng cảnh quan Sa Pa không chỉ là tài nguyên thiên nhiên, mà là vốn tổng hợp gồm yếu tố sinh thái, văn hóa và tri thức bản địa được kiến tạo qua nhiều thế hệ cư dân. Khi phát triển đô thị du lịch dựa chủ yếu vào đầu tư bên ngoài, cảnh quan có nguy cơ bị thương mại hóa và cộng đồng bị gạt ra bên lề. Vì vậy, đặt cộng đồng làm trung tâm là điều kiện cần để bảo tồn, tái tạo và phân phối công bằng giá trị cảnh quan.

Cách tiếp cận này trở thành động lực mới cho phát triển bền vững Sa Pa vì nó tạo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo tồn môi trường, duy trì bản sắc văn hóa, đồng thời khơi dậy nội lực cộng đồng địa phương quản lý và sáng tạo không gian. Tiếp cận định lượng $Y=f(X1,X2)$ mong muốn được tiếp tục nghiên cứu để minh chứng rằng khi chất lượng cảnh quan và mức độ tham gia cộng đồng cùng được nâng cao, giá trị kinh tế – xã hội của đô thị nhất là đô thị du lịch miền núi tăng lên bền vững. Đây chính là hướng phát triển giúp Sa Pa trở thành đô thị du lịch sinh thái – văn hóa tiêu biểu của vùng cao Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

a) Văn bản quy hoạch, báo cáo

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (2021). Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Sa Pa đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050. Truy cập: <https://laocai.gov.vn>

2. Thị xã Sa Pa (2022). Báo cáo phát triển kinh tế – xã hội và quản lý đô thị Sa Pa năm 2021–2022.

3. Nguyễn Xuân Anh. Đề tài NCKH: Nghiên cứu ứng dụng phương pháp đánh giá giá trị kinh tế cảnh quan trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia – VIUP. (Tài liệu đang nghiên cứu)

b) Tài liệu nghiên cứu, học thuật trong và ngoài nước

4. Sauer, C. O. (1925). *The Morphology of Landscape*. Berkeley: University of California Press.

5. Olwig, K. R. (1996). *Recovering the*

Substantive Nature of Landscape. *Annals of the Association of American Geographers*, 86(4), 630–653.

6. Jackson, J. B. (1984). *Discovering the Vernacular Landscape*. New Haven & London: Yale University Press.

7. Bùi Minh Hào (2022). *Vốn văn hóa trong phát triển du lịch cộng đồng – Trường hợp người Dao ở Tả Phìn, Sa Pa*. *Tạp chí Văn hóa Dân gian*. Truy cập: <https://vncvanhoa.vass.gov.vn>

8. IUCN (2020). *Nature-based Solutions and Landscape Governance*.

9. UNDP Vietnam (2020). *Inclusive Tourism and Local Livelihoods: Lessons from Northern Vietnam*. Truy cập: <https://www.undp.org/vietnam>

10. UNESCO (2021). *Cultural Landscapes: A Resource and a Responsibility*.

11. UN-Habitat (2015). *Urban-Rural Linkages: Guiding Principles*.

12. FAO (2019). *Community-based Landscape Management in Mountain Areas*. Truy cập: <http://www.fao.org>

13. OECD (2021). *Tourism and the Creative Economy – Landscape as a Cultural Asset*. Truy cập: <https://www.oecd.org>

c) Lý thuyết định lượng và liên ngành

14. Costanza, R. (2016). *Ecosystem Services in Theory and Practice*. In Potschin, M., Haines-Young, R., Fish, R., & Turner, R. K. (Eds.), *Routledge Handbook of Ecosystem Services*. Routledge.

15. Claridge, T. (2018). *Introduction to Social Capital Theory*. *Social Capital Research*. Truy cập: <https://www.socialcapitalresearch.com>

16. McNeill, D. (2018). *Natural Capital, Human Capital, Social Capital: It's All Capital Now*. *Environmental Values*, 27(1), 25–40.

17. Elkington, J. (1997). *Cannibals with Forks: The Triple Bottom Line of 21st Century Business*. Oxford: Capstone Publishing.

18. Slaper, T. F., & Hall, T. J. (2011). *The Triple Bottom Line: What Is It and How Does It Work?* *Indiana Business Review*, 86(1).

d) Nghiên cứu thực địa và tài liệu thực tiễn địa phương

19. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2022). *Vai trò của Ban quản lý du lịch cộng đồng: Nghiên cứu tại xã Tả Van và Tả Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai*. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

22. Đồng Thị Thu Huyền & Nguyễn Thị Bích Liên (2021). *Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số trong phát triển du lịch tại xã Tả Phìn, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai*. Trường Cao đẳng Lào Cai.

23. WaterJustin (2020). *Phát triển du lịch homestay tại huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai*. Slideshare. Truy cập: <https://www.slideshare.net>

24. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2023). *Du lịch cộng đồng Sa Pa – “Đòn bẩy” nâng cao vị thế phụ nữ dân tộc*. Truy cập: <https://hoilhpn.org.vn>